

Hạ Long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
- Mã chứng khoán : RIC
- Địa chỉ trụ sở chính : Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 02033.848.777 Fax: 02033.846.728
- Người thực hiện CBTT : Ông Đỗ Trí Vỹ  
Chức vụ : Tổng giám đốc
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính năm 2020 và Giải trình báo cáo tài chính.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2021 tại đường dẫn: <http://vn.royalhalonghotel.com/tin-tuc>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

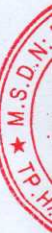
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG  
ĐỒNG VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM	10 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Bà Lý Tiên Lê	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc thứ hai
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hay không;
- Lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến ngành du lịch toàn cầu trong đó có Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia. Ban Giám đốc đã chủ động triển khai hàng loạt các giải pháp quyết liệt trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để ứng phó và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của dịch bệnh; tận dụng tối đa sự chia sẻ và hỗ trợ của các đối tác, nhà cung cấp để duy trì hoạt động liên tục của Công ty. Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Công ty sẽ vượt qua khủng hoảng và đang chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 0925 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả về diễn biến của đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Những điều kiện này, cùng các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 02 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Xuân Ánh

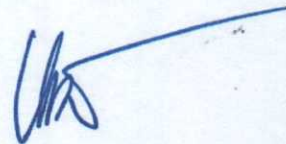
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0723-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60,073,265,460</b>	<b>81,563,486,490</b>
I. Tiền	110	4	32,220,856,980	35,478,264,010
1. Tiền	111		32,220,856,980	35,478,264,010
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11,743,659,720	28,367,016,580
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2,104,586,640	15,581,039,320
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3,986,551,530	12,491,486,530
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5,652,521,550	294,490,730
III. Hàng tồn kho	140	9	14,525,131,530	16,914,879,190
1. Hàng tồn kho	141		14,525,131,530	16,914,879,190
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,583,617,230	803,326,710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,583,617,230	803,326,710
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>880,958,512,980</b>	<b>919,117,539,310</b>
I. Tài sản cố định	220		756,146,842,620	809,723,997,090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	754,411,221,330	802,759,313,280
- Nguyên giá	222		1,240,542,386,850	1,253,408,611,740
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(486,131,165,520)	(450,649,298,460)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1,735,621,290	6,964,683,810
- Nguyên giá	228		103,463,567,610	103,553,183,020
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(101,727,946,320)	(96,588,499,210)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		102,042,746,130	92,665,530,490
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	102,042,746,130	92,665,530,490
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,650,647,110	9,692,588,210
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	9,650,647,110	9,692,588,210
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13,118,277,120	7,035,423,520
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,775,880,380	2,809,875,570
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	10,342,396,740	4,225,547,950
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>941,031,778,440</b>	<b>1,000,681,025,800</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

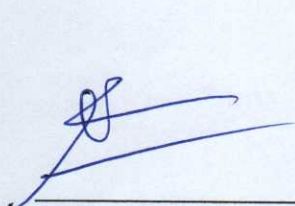


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>144,593,436,390</b>	<b>120,182,699,930</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>118,234,722,060</b>	<b>93,709,432,300</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6,992,209,770	7,246,764,470
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		604,748,820	678,971,800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6,645,955,290	4,763,225,210
4. Phải trả người lao động	314		6,786,086,190	10,792,601,100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2,489,543,940	293,265,900
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	49,118,319,510	7,022,759,240
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	45,597,858,540	62,911,844,580
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26,358,714,330</b>	<b>26,473,267,630</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	26,358,714,330	26,473,267,630
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>796,438,342,050</b>	<b>880,498,325,870</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>796,438,342,050</b>	<b>880,498,325,870</b>
1. Vốn điều lệ	411		703,687,540,000	703,687,540,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		703,687,540,000	703,687,540,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81,363,105,200	81,363,105,200
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		310,015,267,545	312,534,882,805
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11,206,193,409	11,206,193,409
5. (Lỗ) lũy kế	421		(309,833,764,104)	(228,293,395,544)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(228,293,395,544)	(155,497,498,934)
- (Lỗ) năm nay	421b		(81,540,368,560)	(72,795,896,610)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>941,031,778,440</b>	<b>1,000,681,025,800</b>



**Mai Thị Dung**  
 Người lập biểu



**Cao Thị Huyền**  
 Kế toán trưởng



**Đỗ Trí Vỹ**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	125.525.910.720	235.759.540.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		125.525.910.720	235.759.540.065
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	151.596.878.580	238.097.193.315
5. (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(26.070.967.860)	(2.337.653.250)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.730.466.040	5.168.764.485
7. Chi phí tài chính	22	26	8.072.880.200	8.355.613.665
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.854.936.500	6.425.716.095
8. Chi phí bán hàng	25	27	13.323.233.280	20.444.484.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	35.950.981.780	43.528.873.935
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(79.687.597.080)	(69.497.860.395)
11. Thu nhập khác	31		261.598.820	701.552.220
12. Chi phí khác	32		2.114.370.300	3.943.680.435
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(1.852.771.480)	(3.242.128.215)
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(81.540.368.560)	(72.739.988.610)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	55.908.000
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(81.540.368.560)	(72.795.896.610)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.159)	(1.034)

  
 Mai Thị Dung  
 Người lập biểu

  
 Cao Thị Huyền  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Trí Vy  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

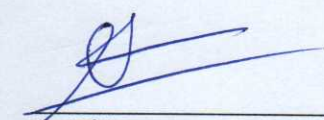
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

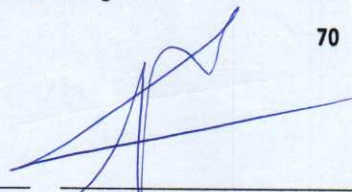
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(81.540.368.560)	(72.739.988.610)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	51.578.056.880	56.052.126.165
Các khoản dự phòng	03	-	(279.540.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.095.025.680	920.222.385
Lỗi từ hoạt động đầu tư	05	19.779.480	-
Chi phí lãi vay	06	5.854.936.500	6.425.716.095
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(22.992.570.020)	(9.621.463.965)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.765.798.000	26.497.666.485
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.879.981.140)	648.858.930
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	36.063.275.920	(57.267.705.855)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(774.181.940)	1.585.108.275
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.295.714.940)	(6.341.411.490)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.886.625.880</b>	<b>(44.498.947.620)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.269.996.980)	(20.699.238.150)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	397.249.580	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.872.747.400)</b>	<b>(20.699.238.150)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.934.532.220	215.391.743.175
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(128.581.115.600)	(231.345.114.270)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(16.646.583.380)</b>	<b>(15.953.371.095)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.632.704.900)</b>	<b>(81.151.556.865)</b>
Tiền đầu năm	60	35.478.264.010	116.729.083.620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(521.093.440)	(470.326.050)
Ảnh hưởng của chuyển đổi báo cáo theo Thông tư 200	62	(103.608.690)	371.063.305
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61+62)</b>	<b>70</b>	<b>32.220.856.980</b>	<b>35.478.264.010</b>

  
 Mai Thị Dung  
 Người lập biểu

  
 Cao Thị Huyền  
 Kế toán trưởng

  
 ĐỖ TRỊ VY  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 829 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.308 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệt theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam**

Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Theo các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của cổ đông, thặng dư vốn cổ phần và vốn khác được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn);
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ kế toán xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Khả năng hoạt động liên tục**

Từ tháng 4 năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến khoản lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 81.540.368.560 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 58.161.456.600 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã tích cực triển khai các phương án ứng phó với đại dịch Covid-19. Báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam được lập trên cơ sở hoạt động liên tục trên cơ sở sau:

- Công ty theo dõi và quản lý các yêu cầu của các tổ chức tín dụng đặt ra để duy trì hạn mức tín dụng đã được cấp và Công ty có thể sử dụng hạn mức tín dụng còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của các tổ chức tín dụng với trị giá 64.402.141.460 VND (tương đương 2.798.876 USD) khi cần thiết; và

- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp bao gồm tiết kiệm chi phí hoạt động, triển khai các hoạt động tiếp thị nhằm thu hút nhiều khách du lịch và khách hàng trong nước và quốc tế. Theo đó, Công ty khẳng định tạo ra đủ dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính chuyển đổi sang Đồng Việt Nam cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cược và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

**Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia**

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 01 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 06 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các mặt hàng tồn kho được xác định theo các phương pháp sau:

**Loại hàng tồn kho**

Hàng ăn  
Hàng giải khát  
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ  
Vật tư khác

**Phương pháp tính giá**

Nhập trước - Xuất trước  
Bình quân gia quyền  
Giá đích danh  
Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng*

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy trò chơi điện tử, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip tiền mặt trong hộp drop box (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi.
- Doanh thu máy trò chơi bằng tổng số tiền khách nạp vào máy để chơi trừ đi tổng số tiền trả cho khách tại quầy thu ngân.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác USD được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác USD tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi sang USD theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	15.463.157.190	29.571.301.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.757.699.790	5.906.962.220
	<b><u>32.220.856.980</u></b>	<b><u>35.478.264.010</u></b>

**5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	9.650.647.110	-	9.692.588.210	-
	<b><u>9.650.647.110</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>9.692.588.210</u></b>	<b><u>-</u></b>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Khách đoàn Long Bay	1.213.202.250	7.203.641.210
Đại lý Hằng Thăng	750.310.080	3.057.776.540
Đại lý Long Bay	-	3.065.587.720
Các khoản phải thu khách hàng khác	141.074.310	2.254.033.850
	<b><u>2.104.586.640</u></b>	<b><u>15.581.039.320</u></b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Cơ điện và Công nghệ An toàn Thăng Long	1.663.599.990	1.932.134.660
Công ty Điện lực Quảng Ninh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	1.243.391.370	-
Công ty Đầu tư và Phát triển NME	946.930.530	951.045.830
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	-	1.661.008.140
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	-	1.388.656.790
Doanh nghiệp tư nhân Hà Việt	-	1.153.859.190
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pentens	-	761.936.700
Công ty TNHH Trang trí nội thất Webort	-	669.889.570
Khác	132.629.640	3.972.955.650
	<b><u>3.986.551.530</u></b>	<b><u>12.491.486.530</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số chip khách cầm cuối năm Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	5.201.410.500	258.647.120
Khác	422.210.490	-
	28.900.560	35.843.610
	<b><u>5.652.521.550</u></b>	<b><u>294.490.730</u></b>
Trong đó:		
Phải thu khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 31)	422.210.490	-

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10.689.387.540	-	12.900.880.180	-
Hàng hóa	3.835.743.990	-	4.013.999.010	-
	<b><u>14.525.131.530</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>16.914.879.190</u></b>	<b><u>-</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	894.434.649.600	277.596.927.130	27.396.951.220	19.537.841.080	34.442.242.710	1.253.408.611.740
Mua mới	-	679.750.120	-	72.548.140	-	752.298.260
Thanh lý	-	(1.568.470.680)	(6.746.065.200)	-	-	(8.314.535.880)
Chênh lệch tỷ giá	(3.870.336.000)	(1.187.133.860)	(11.790.400)	(85.690.910)	(149.036.100)	(5.303.987.270)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>890.564.313.600</b>	<b>275.521.072.710</b>	<b>20.639.095.620</b>	<b>19.524.698.310</b>	<b>34.293.206.610</b>	<b>1.240.542.386.850</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	183.031.870.190	196.645.601.430	18.837.168.990	18.140.541.150	33.994.116.700	450.649.298.460
Khấu hao trong năm	21.223.498.940	20.580.712.600	2.862.787.480	977.774.980	286.521.900	45.931.295.900
Thanh lý trong năm	-	(1.543.648.860)	(6.329.036.140)	-	-	(7.872.685.000)
Chênh lệch tỷ giá	(1.127.875.210)	(4.263.908.920)	(12.684.728.090)	(93.970.270)	(151.631.350)	(18.322.113.840)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>203.127.493.920</b>	<b>214.506.053.970</b>	<b>15.344.264.520</b>	<b>19.024.345.860</b>	<b>34.129.007.250</b>	<b>486.131.165.520</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	711.402.779.410	80.951.325.700	8.559.782.230	1.397.299.930	448.126.010	802.759.313.280
Số dư cuối năm	687.436.819.680	61.015.018.740	5.294.831.100	500.352.450	164.199.360	754.411.221.330

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thể chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 747.401.431.920 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 730.726.876.100 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 3.339.533.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.267.661.560 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 97.889.165.010 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 137.600.406.500 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	101.551.533.480	2.001.649.540	103.553.183.020
Tăng trong năm	-	358.472.790	358.472.790
Chênh lệch tỷ giá	(439.426.800)	(8.661.400)	(448.088.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.112.106.680</b>	<b>2.351.460.930</b>	<b>103.463.567.610</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	94.681.831.770	1.906.667.440	96.588.499.210
Khấu hao trong năm	5.559.951.040	86.809.940	5.646.760.980
Chênh lệch tỷ giá	(497.689.660)	(9.624.210)	(507.313.870)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>99.744.093.150</b>	<b>1.983.853.170</b>	<b>101.727.946.320</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	6.869.701.710	94.982.100	6.964.683.810
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.368.013.530</b>	<b>367.607.760</b>	<b>1.735.621.290</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.731.249.390 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.738.773.290 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Biến động trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	92.665.530.490	89.438.605.605
Tăng trong năm	9.935.424.520	9.799.670.715
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(5.899.714.995)
Giảm khác	-	(433.147.230)
Chênh lệch tỷ giá	(558.208.880)	(239.883.605)
<b>Số cuối năm</b>	<b>102.042.746.130</b>	<b>92.665.530.490</b>

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	38.611.654.380	30.032.045.860
+ Mua sắm tài sản cố định	5.408.730.600	5.207.514.960
+ Sửa chữa lớn biệt thự	27.178.583.640	18.774.009.360
+ Các dự án mới	6.024.340.140	6.050.521.540
- Nhà đa năng (*)	63.431.091.750	62.633.484.630
	<b>102.042.746.130</b>	<b>92.665.530.490</b>

- (\*) Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư được Hội đồng Quản trị phê duyệt là 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD - xem thêm tại Thuyết minh số 30), việc thi công xây dựng đang tạm dừng sau khi Công ty và đơn vị ký hợp đồng thuê nhà đa năng là Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018. Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm các đối tác khác để hoàn thiện công trình và cho thuê.

**13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vật tư điện, nước	1.454.876.280	422.785.740	1.837.915.190	424.623.140
Vật tư xây dựng	10.587.706.350	1.277.400.150	4.095.207.550	1.282.951.650
	<b>12.042.582.630</b>	<b>1.700.185.890</b>	<b>5.933.122.740</b>	<b>1.707.574.790</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Gia Huy Quảng Ninh	1.199.971.500	1.199.971.500	145.500.560	145.500.560
Công ty TNHH Dự Thành	890.210.880	890.210.880	127.382.320	127.382.320
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	705.302.520	705.302.520	184.094.260	184.094.260
Phải trả cho các đối tượng khác	4.196.724.870	4.196.724.870	6.789.787.330	6.789.787.330
	<b>6.992.209.770</b>	<b>6.992.209.770</b>	<b>7.246.764.470</b>	<b>7.246.764.470</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	trong năm VND		VND
Thuế giá trị gia tăng	1.655.600.400	12.183.458.280	12.310.715.620	(5.150.090)	1.523.192.970
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.869.869.130	29.868.838.440	27.713.319.340	(46.530.450)	4.978.857.780
Thuế thu nhập cá nhân	237.755.680	1.755.136.600	1.849.451.520	463.780	143.904.540
Thuế khác	-	30.300.480	30.300.480	-	-
	<b>4.763.225.210</b>	<b>43.837.733.800</b>	<b>41.903.786.960</b>	<b>(51.216.760)</b>	<b>6.645.955.290</b>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay	2.317.314.090	91.746.700
Khác	172.229.850	201.519.200
	<b>2.489.543.940</b>	<b>293.265.900</b>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	972.609.690	1.438.458.840
+ Đại lý Thu Lương	244.504.260	621.196.800
+ Đại lý Hằng Thăng	468.000.390	468.000.610
+ Khác	260.105.040	349.261.430
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.145.709.820	5.584.300.400
+ Đại lý Long Bay (*)	43.126.331.430	788.882.960
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.018.146.480	-
+ Bảo hành xây dựng	2.303.853.240	2.215.170.687
+ Chíp trôi nổi	585.512.460	791.933.480
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	149.426.940	150.070.563
+ Khác	962.439.270	1.638.242.710
	<b>49.118.319.510</b>	<b>7.022.759.240</b>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.358.714.330	26.473.267.630
+ Đại lý Long Bay	26.358.714.330	26.473.267.630
	<b>26.358.714.330</b>	<b>26.473.267.630</b>

(\*) Phải trả ngắn hạn khác từ Đại lý Long Bay bao gồm 15.340.444.860 VND tiền chip ký gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0 VND). Số tiền đặt cọc từ Đại lý Long Bay không hủy ngang và không hoàn lại theo thỏa thuận giữa đại lý và Công ty trong hợp đồng đại lý.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẪN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (i)	53.316.965.450	53.316.965.450	89.498.312.680	106.590.425.340	39.781.590	36.264.634.380	36.264.634.380
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Long (ii)	9.594.879.130	9.594.879.130	21.767.013.800	21.990.690.260	(37.978.510)	9.333.224.160	9.333.224.160
	<b>62.911.844.580</b>	<b>62.911.844.580</b>	<b>111.265.326.480</b>	<b>128.581.115.600</b>	<b>1.803.080</b>	<b>45.597.858.540</b>	<b>45.597.858.540</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 7 năm 2020 với hạn mức tín dụng 100 tỷ VND tương đương 4,34 triệu USD (tỷ giá 23.010 VND/USD). Thời hạn cấp tín dụng được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần theo thông báo của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng trên đất thuộc dự án “Khách sạn 5 sao và các công trình vui chơi giải trí” cùng với các máy móc thiết bị kèm theo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Long bằng VND theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 10 tỷ VND tương đương 434 ngàn USD (tỷ giá 23.010 VND/USD) và có hiệu lực 1 năm. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Thời hạn cho vay tối đa của từng khế ước nhận nợ là 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất của khoản vay được xác định theo từng giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian nhận nợ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị điều hòa và thiết bị điện của khu tòa nhà Cầu Lạc bộ và khách sạn 5 sao.



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		(Lỗ) lũy kế		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Lỗ) trong năm	703.687.540.000	81.363.105.200	-	11.206.193.409	-	(155.497.498.934)	314.224.155.700	954.983.495.375	-	(72.795.896.610)	880.498.325.870	880.498.325.870
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	(72.795.896.610)	(1.689.272.895)	(1.689.272.895)	-	(1.689.272.895)	-	(1.689.272.895)
Số dư cuối năm trước	703.687.540.000	81.363.105.200	-	11.206.193.409	-	(228.293.395.544)	312.534.882.805	880.498.325.870	-	(1.689.272.895)	880.498.325.870	880.498.325.870
Số dư đầu năm nay (Lỗ) trong năm	703.687.540.000	81.363.105.200	-	11.206.193.409	-	(228.293.395.544)	312.534.882.805	880.498.325.870	-	(81.540.368.560)	880.498.325.870	880.498.325.870
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	(81.540.368.560)	(2.519.615.260)	(2.519.615.260)	-	(2.519.615.260)	-	(2.519.615.260)
Số dư cuối năm nay	703.687.540.000	81.363.105.200	-	11.206.193.409	-	(309.833.764.104)	310.015.267.545	796.438.342.050	-	(2.519.615.260)	796.438.342.050	796.438.342.050

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối năm				Số đầu năm	
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	22.219.546	369.386.320	52,49
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	1.374.987	22.619.800	3,21
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	1.149.924	18.880.920	2,68
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	1.069.089	17.709.550	2,52
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	16.496.324	275.090.950	39,10
<b>Cộng</b>	<b>703.687.540</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>	<b>42.309.870</b>	<b>703.687.540</b>	<b>100</b>

20. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	4.826.234.560	6.261.297.901
JMP	83.486	102.583
JYP	-	70.000
AUD	-	11.600
EUR	-	900
HKD	-	100

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia: Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia: Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

**Năm nay**

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	70.228.469.920	55.297.440.800	-	125.525.910.720
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	14.896.426.720	37.960.422.640	-	52.856.849.360
<b>3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(53.754.641.360)</b>	<b>(25.932.955.720)</b>	-	<b>(79.687.597.080)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	1.803.960.990	12.564.725.550	-	14.368.686.540
5. Tài sản bộ phận	172.467.083.100	702.172.170.570 (313.987.004.760)	560.652.248.910	
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	380.379.529.530
<b>Tổng tài sản</b>	<b>172.467.083.100</b>	<b>702.172.170.570 (313.987.004.760)</b>		<b>941.031.778.440</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	442.494.495.300	4.715.416.290 (313.987.004.760)	133.222.906.830	
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.370.529.560
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>442.494.495.300</b>	<b>4.715.416.290 (313.987.004.760)</b>		<b>144.593.436.390</b>

**Năm trước**

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	97.778.526.180	137.981.013.885	-	235.759.540.065
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	21.014.303.025	40.135.747.530	-	61.150.050.555
<b>3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(92.979.034.035)</b>	<b>23.481.173.640</b>	-	<b>(69.497.860.395)</b>
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	11.284.121.295	6.798.482.685	-	18.082.603.980
5. Tài sản bộ phận	193.672.546.150	738.028.919.690 (357.755.002.080)	573.946.463.760	
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	426.734.562.040
<b>Tổng tài sản</b>	<b>193.672.546.150</b>	<b>738.028.919.690 (357.755.002.080)</b>		<b>1.000.681.025.800</b>
7. Nợ phải trả bộ phận	410.716.974.820	11.098.808.600 (357.755.002.080)	64.060.781.340	
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	56.121.918.590
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>410.716.974.820</b>	<b>11.098.808.600 (357.755.002.080)</b>		<b>120.182.699.930</b>

22. DOANH THU HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu phòng nghỉ	36.111.204.920	97.350.760.095
Doanh thu chip	65.305.249.800	79.887.290.625
Doanh thu dịch vụ ăn uống, giải khát	17.857.503.720	34.599.993.615
Doanh thu xèng	4.923.196.740	17.891.212.260
Doanh thu dịch vụ khác	1.328.755.540	6.030.283.470
	<b>125.525.910.720</b>	<b>235.759.540.065</b>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	7.757.039.780	15.298.012.860
Chi phí nhân công	72.831.926.440	130.226.341.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.408.907.240	51.999.425.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	21.599.005.120	40.573.413.990
	<b>151.596.878.580</b>	<b>238.097.193.315</b>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thực phẩm và đồ uống	7.757.039.780	15.298.012.860
Chi phí nhân công	106.006.089.000	176.255.933.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.578.056.880	56.052.126.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	5.529.907.980	54.464.478.735
	<b>200.871.093.640</b>	<b>302.070.551.280</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.395.440	129.869.625
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.782.444.440	2.096.433.525
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.943.626.160	2.942.461.335
	<b>3.730.466.040</b>	<b>5.168.764.485</b>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	5.854.936.500	6.425.716.095
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.217.943.700	1.929.897.570
	<b>8.072.880.200</b>	<b>8.355.613.665</b>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	10.963.185.940	15.312.106.335
Chi phí dụng cụ sản xuất	344.621.200	441.300.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.097.129.880	1.160.044.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.234.100	159.710.520
Các chi phí khác	826.062.160	3.371.322.285
	<b>13.323.233.280</b>	<b>20.444.484.030</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	22.210.976.620	30.717.485.850
Chi phí dụng cụ sản xuất	389.557.560	436.641.480
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.072.019.760	1.206.541.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.545.591.060	4.608.216.900
Các chi phí khác	4.732.836.780	6.839.528.475
<b>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(279.540.000)
	<b>35.950.981.780</b>	<b>43.528.873.935</b>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại (Lỗi) kế toán trước thuế</b>	<b>(81.540.368.560)</b>	<b>(72.739.988.610)</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác	(661.682.588)	(661.671.180)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.418.394.460	3.119.712.990
Trừ: Chênh lệch giá trị chip trôi nổi cuối năm và đầu năm	(138.900.580)	(1.360.893.900)
<b>Lỗi tính thuế năm hiện hành</b>	<b>(80.922.557.268)</b>	<b>(71.642.840.700)</b>
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

29. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(81.540.368.560)	(72.795.896.610)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(81.540.368.560)	(72.795.896.610)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
<b>(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(1.159)</b>	<b>(1.034)</b>

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

**Cam kết đầu tư**

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị đã đầu tư là 63.431.091.750 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.666.283.750 VND.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

**Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định**

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.662.978.720 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 24.152.422.770 VND).

**Cam kết trả tiền thuê đất**

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	422.210.490	-

Tổng thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc	889.037.160	1.090.371.815
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thứ nhất	244.020.000	350.000.000
Ông Loh Siaw Kiang	Phó Tổng Giám đốc thứ hai	723.121.490	973.107.710
Bà Cao Thị Huyền	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)	241.971.000	170.136.000
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019)	-	167.916.700
		<u>2.098.149.650</u>	<u>2.751.532.225</u>

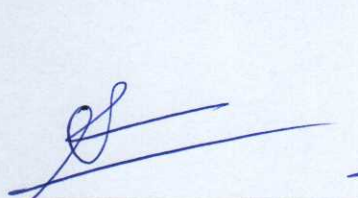
**32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 6.190.564.380 VND (năm 2019: 3.568.738.640 VND) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 2.711.843.550 VND (năm 2019: 11.719.335.210 VND) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

**33. SỰ KIẾN KHÁC**

**Ảnh hưởng COVID-19**

Do ảnh hưởng trên diện rộng của những diễn biến dịch bệnh COVID-19, nhiều thách thức đã phát sinh cho tất cả các ngành kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng lớn đến các hoạt động, lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty.

  
Mai Thị Dung  
Người lập biểu

  
Cao Thị Huyền  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Trí Vỹ  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ HOÀNG GIA  
Số: 072/ CV/HG

"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm  
2020 & 2019 và phương án khắc phục "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----\*\*\*-----  
Hà long, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (mã chứng khoán RIC) xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2020 & 2019 và phương án khắc phục như sau:

**I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập 2020 so với năm 2019**

VT: VND

TT	Diễn giải	Năm 2020	Năm 2019	Số tiền tăng, giảm	Tỷ lệ tăng, (giảm) %
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	125,525,910,720	235,759,540,065	(110,233,629,345)	(46.76)
II	Doanh thu hoạt động tài chính	3,730,466,040	5,168,764,485	(1,438,298,445)	(27.83)
III	Chi phí				
1	Chi phí hoạt động tài chính	8,072,880,200	8,355,613,665	(282,733,465)	(3.38)
2	Giá vốn hàng bán	151,596,878,580	238,097,193,315	(86,500,314,735)	(36.33)
3	Chi phí bán hàng	13,323,233,280	20,444,484,030	(7,121,250,750)	(34.83)
4	Chi phí quản lý	35,950,981,780	43,528,873,935	(7,577,892,155)	(17.41)
	Cộng chi phí (1-4)	208,943,973,840	310,426,164,945		
IV	Thu nhập khác	261,598,820	701,552,220	(439,953,400)	(62.71)
V	Chi phí khác	2,114,370,300	3,943,680,435	(1,829,310,135)	(46.39)
III	Lợi nhuận sau thuế	(81,540,368,560)	(72,795,896,610)	(8,744,471,950)	

Năm 2020 lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp công ty giảm 8.744.471.950

VND so với năm 2019, nguyên nhân chủ yếu như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm:

Nguyên nhân chủ yếu là do đại dịch Covid-19 đã bùng phát từ quý IV năm 2019 và cho đến hết năm 2020 vẫn chưa được khống chế, ước tính không chỉ ảnh hưởng nặng nề đến doanh thu năm 2020 mà khả năng vẫn còn ảnh hưởng đến KQKD năm 2021.

2. Doanh thu hoạt động tài chính giảm:

Nguyên nhân chủ yếu là do lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ giảm.

3. Giá vốn hàng bán năm 2020 giảm so với năm 2019:



Nguyên nhân: Do đại dịch Covid – 19 ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nên Công ty phải cắt giảm nhân lực đồng thời cho nhân viên nghỉ giãn công, mặt khác doanh thu mặt hàng ăn, uống năm 2020 cũng giảm mạnh so với năm 2019 nên giá vốn giảm.

**4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý giảm:**

Nguyên nhân: do đại dịch nên Công ty phải cắt giảm nhân lực đồng thời cho nhân viên nghỉ giãn công.

**5. Thu nhập khác giảm**

Nguyên nhân: Do năm 2020 thu tiền tip cho nhân viên giảm đồng thời doanh thu đền bù bát đĩa đồ dùng của khách hàng cũng giảm.

**6. Chi phí khác giảm là do các khoản quyền góp ủng hộ, chi khác và chi tiền tip cho nhân viên giảm.**

Do doanh thu giảm nhiều nên mặc dù một số chỉ tiêu chi phí giảm vẫn không đủ bù đắp số giảm doanh thu dẫn đến lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 lỗ thêm so với năm 2019 là 8.744.471.950 VND .

**II. Phương án khắc phục.**

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành đang tìm mọi biện pháp đẩy mạnh doanh thu, giảm chi phí, ngày 29/3/2021 Hội đồng quản trị đã thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, theo đó doanh thu năm 2021 là : 10.355.000 USD, lợi nhuận sau thuế là 505.000 USD.

**Bảng so sánh Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế năm 2020 và năm 2021**

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020		Kế hoạch năm 2021
		VND	USD	USD
I	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	125,525,910,720	5,368,944	10,355,000
II	Lợi nhuận sau thuế	(81,540,368,560)	(3,487,612)	505,000

Đối với bộ phận Câu lạc bộ: Trong năm 2021 Công ty vẫn sẽ tiếp tục tìm kiếm nguồn khách nước ngoài đang ở Việt Nam không về nước được do dịch Covid – 19, khách hàng tại các khu Công nghiệp, Khách nước ngoài đến Việt Nam trên các chuyến bay thương mại, Đối với bộ phận Khách sạn Biệt thự Công ty tiếp tục hợp tác với các Công ty lữ hành để khai thác nguồn khách trong nước đồng thời cuối năm 2020 đại dịch Covid – 19 đã tạm thời được khống chế, việc tiêm Vacxin đã được triển khai tiêm trên diện rộng do vậy Công ty tin tưởng rằng lượng khách hàng trong năm 2021 sẽ tăng so với năm 2020, Công ty đã chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng và tốt nhất cho giai đoạn phục hồi và phát triển.

02119  
 NG TY  
 PHÂN  
 QUỐC TẾ  
 HÀNG G  
 VG - T. Q

Do vậy Công ty tin tưởng rằng kết quả kinh doanh năm 2021 sẽ đạt được như nghị quyết đề ra.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần quốc tế Hoàng Gia, kính trình Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ chí Minh và các nhà đầu tư được biết.

*Trân trọng cảm ơn!*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**Tổng giám đốc**



**Đỗ Trí Vỹ**

